

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 5 - 2024
V/v: Ly hôn giữa chị Th và anh Nh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang;

Bà Phạm Hồng Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng -Thư ký tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Ông Đỗ Duy Nh, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2024, bản tự khai ngày 06/5/2024 nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày: Chị và anh Đỗ Duy Nh tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 02/9/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Nh chơi bời, không tu trí làm ăn nợ nần nhiều, mặc dù đã được chị và người thân khuyên giải nhưng anh Nh không khắc phục sửa chữa dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ tháng 6/2021 vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Nh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống với anh Nh được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Duy Nh để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Nh có 03 con chung là cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 07/6/2004; cháu Đỗ Thị Thu L, sinh ngày 14/9/2006 và cháu Đỗ Duy Anh T2, sinh ngày 21/6/2011. Hiện cháu lớn (con T) đã đủ 18 tuổi lao động tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn 02 cháu nhỏ đang ở nhà với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 con, hiện chị đang làm công nhân tại Công ty Đan Mạch có trụ sở tại khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định thu nhập mỗi tháng từ 04 – 08 triệu đồng, nên chị đề nghị anh Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Trường hợp anh Nh không đồng ý giao các con cho chị Nuôi thì chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị nuôi cháu nào cũng được theo nguyện vọng của các con, chị và anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị và anh Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2024 bị đơn anh Đỗ Duy Nh trình bày: Anh và chị Đỗ Thị Th tự do tìm hiểu, tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 02/9/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, anh làm nghề tự do, còn chị Th đi làm công ty. Đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình, anh làm ăn không thuận, nợ nần nhiều, phải bán tài sản để trả nợ nhưng chị Th không đồng ý dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không gần gũi nhau nữa, mặc dù anh đã tâm sự chia sẻ để vợ hiểu cùng khắc phục nhưng chị Th không nghe. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh Nh thấy vẫn còn tình cảm với chị Th, mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp chị Th không nghe vẫn quyết tâm xin ly hôn, thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Th có 03 con chung tên tuổi của các con đúng như chị Th cung cấp. Hiện cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 07/6/2004 đã đủ 18 tuổi lao động tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Đỗ Thị Thu L, sinh ngày 14/9/2006 và cháu Đỗ Duy Anh T2, sinh ngày 21/6/2011 đang ở nhà với chị Th. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, anh nuôi cháu nào cũng được theo nguyện vọng của các con, anh và chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trường hợp chị Th có nguyện vọng nuôi cả 02 con và các con có nguyện vọng ở với mẹ, thì anh đồng ý giao các con cho chị Th nuôi. Hiện anh làm nghề tự do thu nhập thấp không ổn định từ 08 - 10 triệu đồng/tháng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về mức cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp chị Th có yêu cầu anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các cháu Đỗ Thị Thu L và Đỗ Duy Anh T2 đều có ý kiến khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân

sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật TTDS; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp Nh đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Th. Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Đỗ Duy Nh;

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Thu L, sinh ngày 14/9/2006, cháu Đỗ Duy Anh T2, sinh ngày 21/6/2011, cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th theo quy định pháp luật. Anh Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về án phí DSST: Chị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Nh phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NH ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử Nh định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Đỗ Duy Nh tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định vào 02/9/2003 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nh làm ăn không thuận, nợ nần nhiều không khắc phục được dẫn vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ tháng 6/2023 anh chị đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh Nh thấy vẫn còn tình cảm với chị Th, mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng chị Th không nghe vẫn quyết tâm xin ly hôn, nên anh Nh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị Th và anh Nh không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp Nh yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Duy Nh của chị Đỗ Thị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh Nh có 03 con chung là cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 07/6/2004; cháu Đỗ Thị Thu L, sinh ngày 14/9/2006 và cháu Đỗ Duy Anh T2, sinh ngày 21/6/2011, hiện các con đang ở nhà với chị Th

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự và các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy:

Nay cháu Đỗ Thị T đã đủ tuổi trưởng thành lao động tự lập được, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Đỗ Thị Thu L và cháu Đỗ Duy Anh T2 trong quá trình giải quyết vụ án chị Th có nguyện vọng nuôi các con, yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, anh Nh đồng ý với nguyện vọng của Th, các con L và T2 cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn các con xin được ở với mẹ. Như vậy, ý kiến và sự tự nguyện của các đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp Nh. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao các con chung là cháu Đỗ Thị Thu L và cháu Đỗ Duy Anh T2 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th mỗi tháng 1.800.000đ/1con kể từ tháng xét xử sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được. Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Chị Đỗ Thị Th có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và anh Đỗ Duy Nh phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Đỗ Duy Nh.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao các con chung là cháu Đỗ Thị Thu L, sinh ngày 14/9/2006 và cháu Đỗ Duy Anh T2, sinh ngày 21/6/2011 cho chị Đỗ Thị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đỗ Duy Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th mỗi tháng 1.800.000đ/1con kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo biên lai

số 0005019, ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

Anh Đỗ Duy Nh phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Nh được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nh:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu HS.

Đã ký

Nguyễn Thị Ánh

